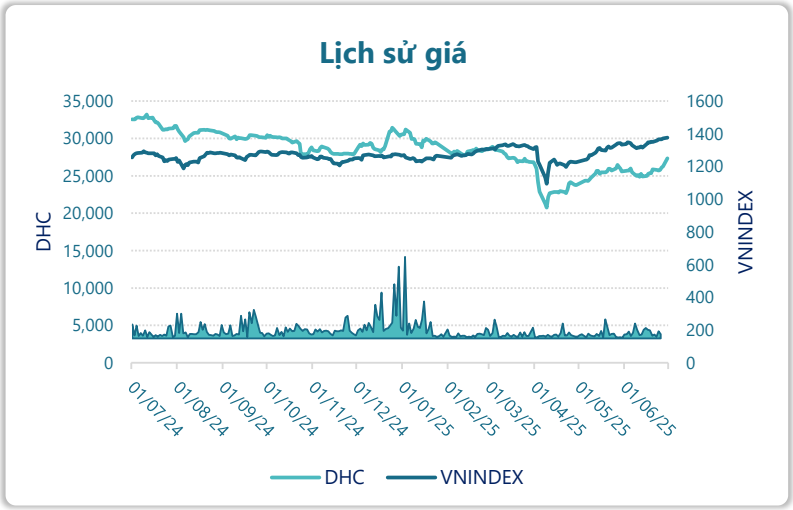
FireAnt

CTCP Đông Hải Bến Tre (HSX: DHC)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**27,350**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	33,195
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,750
SL cổ phiếu LH	96,591,206
KLGD BQ 20 phiên (CP)	176,310
% sở hữu nước ngoài	36.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,642
P/E	9.3
EPS	2,948

DT thuần

Q2/25

881

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 55.0| 6.6%

YoY: ▼135| -13.3%

LN sau thuế

Q2/25

83.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.30| 9.6%

YoY: ▲ 22.5| 37.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

11.9%

+/- YoY: ▲ 4.6%

DT thuần

6T 2025

1,707

tỷ VNĐ

YoY: ▼120| -6.6%

LN sau thuế

6T 2025

159

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 43.0| 36.7%

ROE

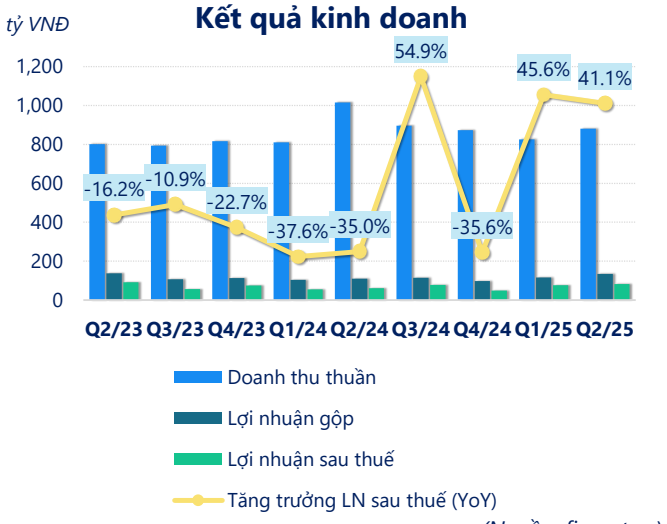
Q2/25

14.4%

+/- YoY: ▲ 1.1%

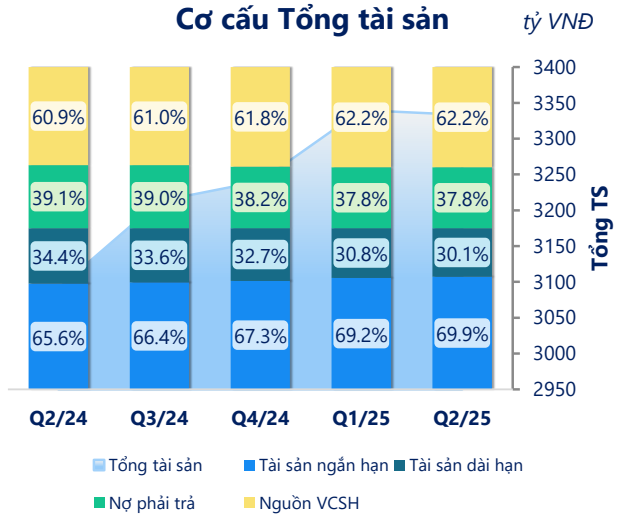
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



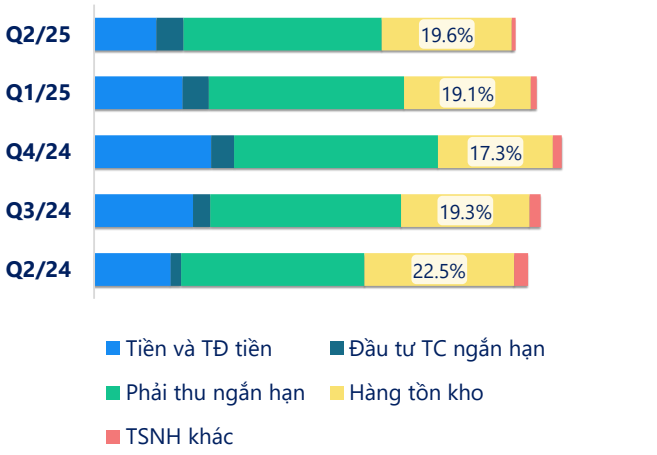
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



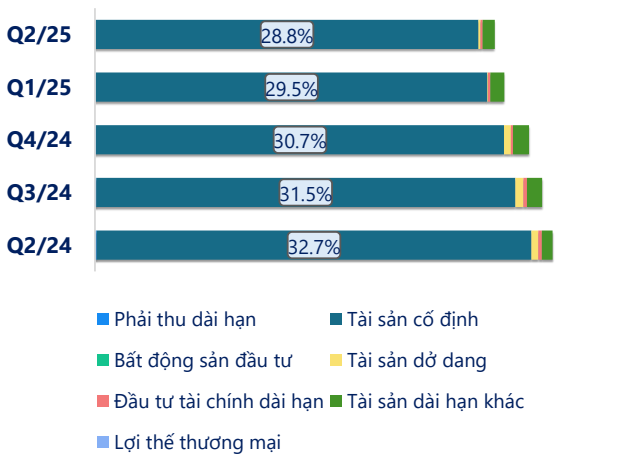
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



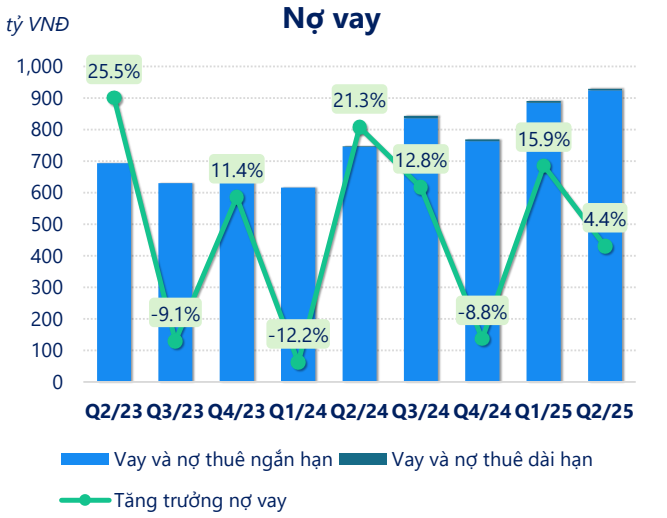
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



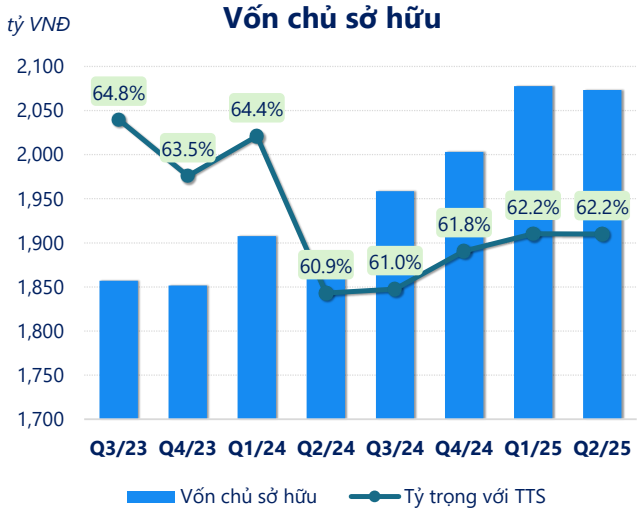
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



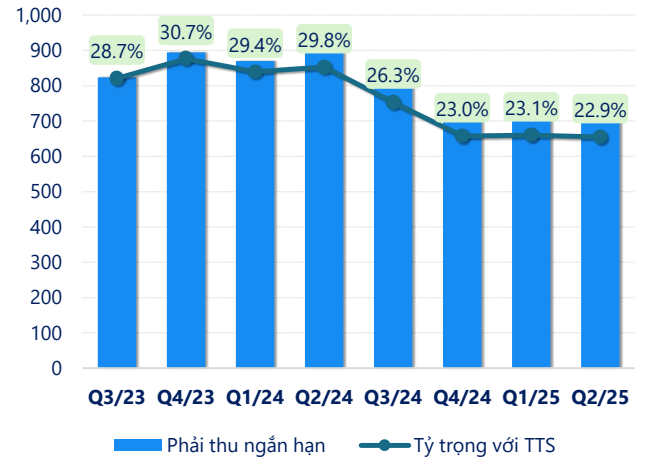
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



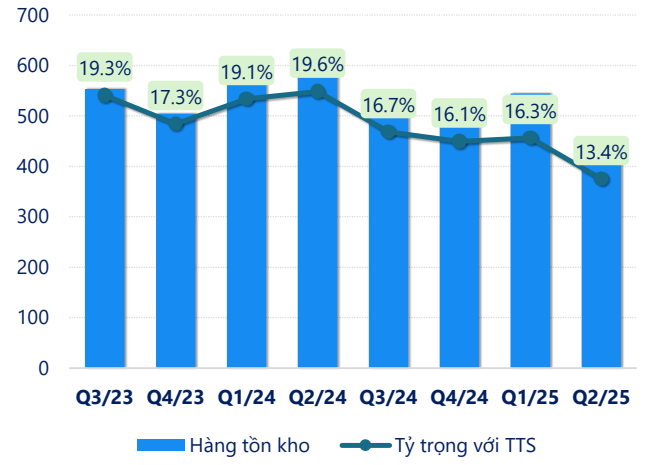
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



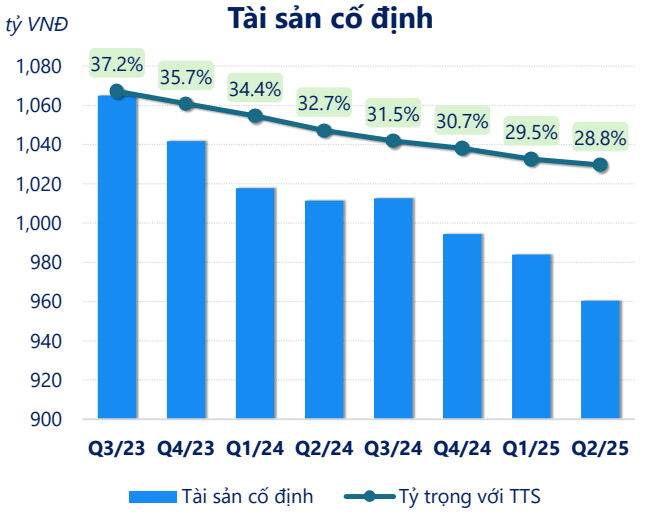
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



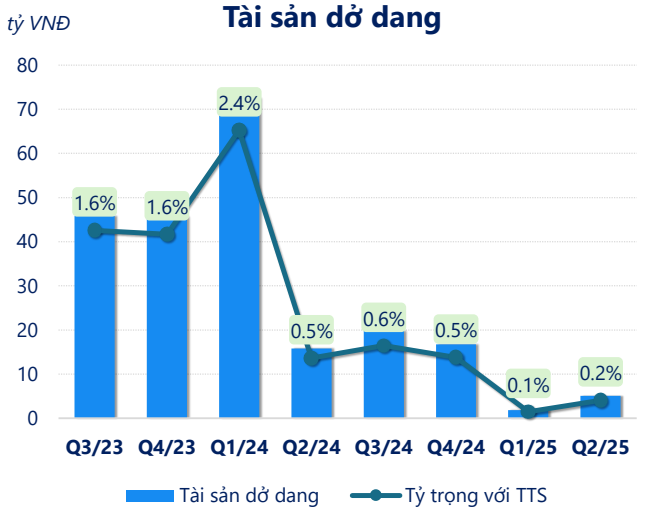
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



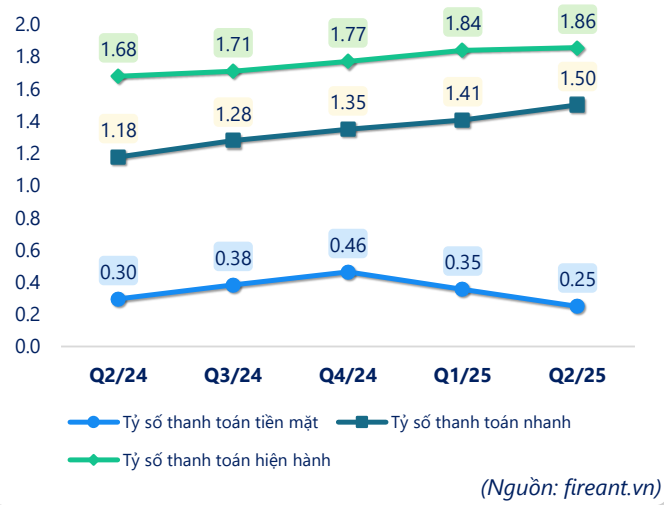
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



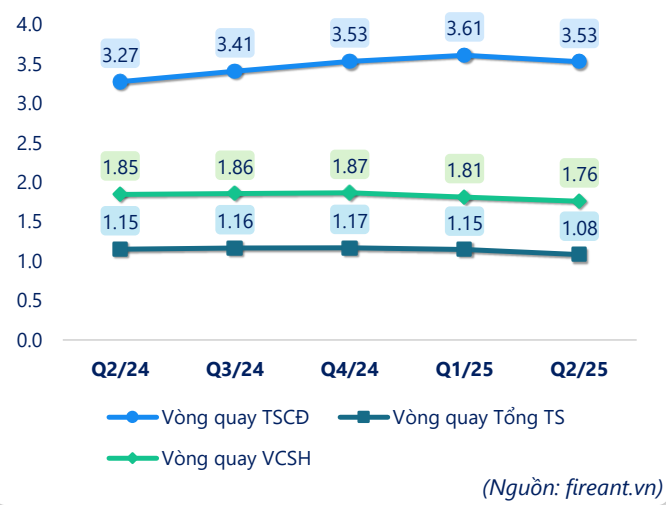
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**3,091**	**3,213**	**3,240**	**3,340**	**3,333**
Tài sản ngắn hạn	**2,027**	**2,132**	**2,182**	**2,311**	**2,331**
Tiền và tương đương tiền	357	478	571	445	313
Đầu tư tài chính ngắn hạn	125	259	334	543	800
Phải thu ngắn hạn	922	846	745	771	764
Hàng tồn kho	605	537	520	545	447
Tài sản ngắn hạn khác	17.0	11.6	11.6	7.06	7.28
Tài sản dài hạn	**1,064**	**1,081**	**1,058**	**1,029**	**1,003**
Phải thu dài hạn	3.64	3.10	2.57	2.03	1.50
Tài sản cố định	1,011	1,013	994	984	960
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	15.8	19.8	16.7	1.84	5.09
Đầu tư tài chính dài hạn	8.34	8.40	5.53	5.84	5.37
Tài sản dài hạn khác	24.8	36.6	39.2	35.0	30.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,210**	**1,255**	**1,237**	**1,262**	**1,260**
Nợ ngắn hạn	**1,208**	**1,247**	**1,232**	**1,257**	**1,256**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	745	835	763	885	925
Phải trả người bán ngắn hạn	400	348	403	334	256
Nợ dài hạn	2.00	7.60	5.50	5.50	4.50
Vay và nợ thuê dài hạn	2.00	7.60	5.50	5.50	4.50
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,881**	**1,958**	**2,003**	**2,078**	**2,073**
Vốn chủ sở hữu	**1,881**	**1,958**	**2,003**	**2,078**	**2,073**
Vốn điều lệ	805	805	805	805	966
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)